

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp tỉnh thực hiện mới từ kế hoạch năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18/6/2013;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy định cụ thể về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 11/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định cụ thể về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 31/TTr-SKH&CN ngày 19/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục tổng số 21 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện mới từ kế hoạch năm 2023.

Trong đó:

- Thực hiện tuyển chọn: 05 đề tài thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- Giao trực tiếp: 16 dự án, gồm:
 - + Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 06 dự án
 - + Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống: 03 dự án.
 - + Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh: 05 dự án.
 - + Chương trình nâng cao năng suất chất lượng hàng hóa: 02 dự án

(Nội dung chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức tuyển chọn/thẩm định, phê duyệt, cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí, đánh giá, nghiệm thu, công bố và chuyển giao ứng dụng kết quả các nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/08/2015 và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Các cơ quan chủ trì đề tài, dự án khoa học công nghệ; các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện/.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Đại Dũng

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH THỰC HIỆN MỚI TỪ KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: 2282/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
A	CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (11 nhiệm vụ: 06 dự án và 05 đề tài)			
I	ĐỀ TÀI (05 đề tài tuyển chọn)			
1.	Nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông tỉnh Phú Thọ theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Tuyển chọn	<p>* Định hướng mục tiêu: Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông tỉnh Phú Thọ theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của 03 môn học (Toán, Ngữ Văn; Tiếng Anh); tập huấn cho 50-100 lượt giáo viên tham gia giảng dạy ôn thi tốt nghiệp và thực nghiệm thành công tại 12 trường THPT trên địa bàn tỉnh góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác dạy và học của giáo viên, học sinh THPT hiện nay tại tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Bộ tài liệu hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp THPT tỉnh Phú Thọ theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của 03 môn học (Toán; Ngữ Văn; Tiếng Anh). Hồ sơ, kết quả hoạt động triển khai thực nghiệm bộ tài liệu Ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông tỉnh Phú Thọ theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại 12 trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. 50-100 lượt giáo viên được tập huấn và thực hành giảng dạy tại các trường THPT. 02 bài báo khoa học, 01 phóng sự. Báo cáo tổng kết đề tài và các báo cáo chuyên đề liên quan.</p>	
2.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản tín ngưỡng Hai Bà Trưng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Tuyển chọn	<p>* Định hướng mục tiêu: Đánh giá được thực trạng tín ngưỡng và các di tích thờ các vị nữ tướng thời Hai Bà Trưng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ, khôi phục các di tích có liên quan đến thời Hai Bà Trưng đã bị hư hỏng, đồng thời bảo tồn, tôn tạo các di tích đang bị xuống cấp, phục dựng các lễ hội, diễn xướng, tục hèm, kiêng kỵ...có nguy cơ mai một góp phần phát huy giá trị di sản tín ngưỡng Hai Bà Trưng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu và các báo cáo chuyên đề. 01 bộ tư liệu điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng và Bộ tư liệu sưu tầm, điền dã, các tư liệu, hình ảnh liên quan đến tín ngưỡng thời đại Hai Bà Trưng tại tỉnh Phú Thọ. Các giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị tín ngưỡng thời đại Hai Bà Trưng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. 01 Kỷ yếu hội thảo. 02 bài báo khoa học.</p>	
3.	Nghiên cứu giải pháp quản lý phòng trừ tổng hợp sâu	Tuyển chọn	<p>* Định hướng mục tiêu: Đánh giá, xác định được đặc điểm sinh học, sinh thái loài sâu xanh ăn lá Bồ đề và loài sâu ong ăn lá Mỡ. Xác định được các biện pháp quản lý phòng trừ tổng hợp và xây dựng quy trình kỹ thuật quản lý phòng trừ tổng hợp sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ. Xây</p>	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
	xanh ăn lá cây Bồ đề (<i>Styrax tonkinensis</i> (Pierre) Craib. Ex Hardw) và sâu ong ăn lá cây Mỡ (<i>Manglietia conifera</i> Dandy) ở tỉnh Phú Thọ		<p>dựng thành công mô hình ứng dụng quy trình phòng trừ tổng hợp sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ (quy mô 02ha/mô hình) và tập huấn cho 70-80 lượt cán bộ, người dân tập huấn nắm vững kỹ thuật quản lý phòng trừ tổng hợp sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: 02 Báo cáo chuyên đề: Báo cáo đặc điểm sinh học sinh thái của loài sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ; Báo cáo đánh giá hiệu quả của biện pháp quản lý phòng trừ sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ. 02 Quy trình kỹ thuật quản lý phòng trừ tổng hợp sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ. 02 mô hình ứng dụng quy trình kỹ thuật phòng trừ tổng hợp sâu xanh ăn lá Bồ đề và sâu ong ăn lá Mỡ (quy mô 02ha/mô hình, hiệu quả phòng trừ giảm 50-70% sâu hại và mức chi phí thực hiện thấp hơn từ 30-35% so với đối chứng). 70-80 lượt cán bộ, người dân được tập huấn. 03 bài báo khoa học.</p>	
4.	Nghiên cứu sử dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất rau an toàn theo mô hình nông nghiệp tuần hoàn tại tỉnh Phú Thọ	Tuyển chọn	<p>* Định hướng mục tiêu: Xây dựng hoàn thiện được các quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất rau an toàn theo mô hình nông nghiệp tuần hoàn tại tỉnh Phú Thọ và xây dựng thành công 03 mô hình nông nghiệp tuần hoàn trong sản xuất rau an toàn (quy mô 0,5 ha/mô hình, hiệu quả tăng 10-15%, dự kiến trên 03 loại rau là bắp cải, rau cải và rau muống) góp phần tăng hiệu quả sản xuất rau tại tỉnh Phú Thọ, tiết kiệm chi phí đồng thời góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Sản xuất thử nghiệm 1,5 tấn chế phẩm vi sinh đạt chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT. Tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt người dân và cán bộ khuyến nông cơ sở năm được kiến thức về mô hình nông nghiệp tuần hoàn và thực hành sản xuất rau an toàn theo mô hình kinh tế tuần hoàn.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: 03 Quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất rau an toàn theo mô hình nông nghiệp tuần hoàn (quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp trong sản xuất rau; xử lý rác thải sinh hoạt dạng hữu cơ thành phân bón và chế phẩm vi sinh bón cho 03 loại rau). 03 Mô hình nông nghiệp tuần hoàn trong sản xuất rau an toàn (quy mô 0,5 ha/mô hình, hiệu quả tăng 10-15% so với mô hình đang áp dụng, dự kiến 03 loại rau: bắp cải, rau cải và rau muống). 1,5 tấn chế phẩm vi sinh đạt chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT. 01 bài báo khoa học. 01 sinh viên đại học; 100 lượt cán bộ khuyến nông cơ sở và người dân được tập huấn.</p>	
5.	Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình công nghệ	Tuyển chọn	<p>* Định hướng mục tiêu: Xây dựng, hoàn thiện quy trình công nghệ sấy lạnh và quy trình công nghệ chế biến sản phẩm bột rau củ chất lượng cao; ứng dụng quy trình công nghệ xây dựng thành công mô hình chế biến sản phẩm ăn liền và bột tiện dụng chất lượng cao từ rau củ (công suất 100kg</p>	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
	chế biến một số sản phẩm rau củ ăn liền tại Phú Thọ		nguyên liệu tươi/ngày); sản xuất thử 200kg sản phẩm ăn liền từ rau củ của một số vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (100kg sau củ sấy và 100kg bột rau củ tiện dụng, đảm bảo tiêu chuẩn VSATTP); đào tạo cho 3-5 cán bộ kỹ thuật/công nhân kỹ thuật nắm được quy trình chế biến một số sản phẩm rau củ ăn liền; xây dựng được thương hiệu và quảng bá, giới thiệu sản phẩm. * Dự kiến sản phẩm: Quy trình công nghệ sấy lạnh sản phẩm rau củ ăn liền và Quy trình công nghệ chế biến bột rau củ ăn liền chất lượng cao. 01 Mô hình chế biến sản phẩm ăn liền và bột tiện dụng chất lượng cao từ rau, củ an toàn (công suất 100kg nguyên liệu tươi/ngày). 100kg sản phẩm rau củ sấy và 100kg sản phẩm bột rau củ ăn liền chất lượng cao. 01 Bộ hồ sơ, tài liệu kết quả xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và liên kết chuỗi sản xuất sản phẩm. 3-5 cán bộ kỹ thuật/công nhân kỹ thuật được đào tạo	
II	DỰ ÁN (06 dự án)			
1.	Xây dựng mô hình trồng Quế hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Hùng Vương	* Định hướng mục tiêu: Xây dựng thành công mô hình trồng mới Quế theo tiêu chuẩn hữu cơ (quy mô 5,0ha, mật độ trồng 5.000 cây/ha, tỷ lệ sống đạt 90%, sau 3 năm đường kính gốc đạt 2cm và chiều cao 2m), mô hình trồng Quế chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ đạt chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Nông nghiệp hữu cơ TCVN 11041-1:2017 và TCVN 11041-2:2017 (quy mô 30,0 ha, sản lượng khai thác dự kiến: 50 tấn vỏ quế tươi/năm) và mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm Quế hữu cơ. Đào tạo 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 100 lượt người dân nắm vững quy trình sản xuất quế theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. * Dự kiến sản phẩm: 01 Mô hình trồng mới Quế theo tiêu chuẩn hữu cơ (Quy mô 5,0ha, mật độ trồng 5.000 cây/ha, tỷ lệ sống đạt 90%, sau 3 năm đường kính gốc đạt 2,0cm và chiều cao 2,0m; đầy đủ hồ sơ minh chứng Quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn Nông nghiệp hữu cơ TCVN 11041-1:2017 và TCVN 11041-2:2017). 01 Mô hình chuyển đổi trồng Quế đạt chứng nhận hữu cơ (Quy mô 30 ha, sản lượng khai thác dự kiến: 50 tấn vỏ quế tươi/năm). 01 Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm Quế hữu cơ (Quy chế liên kết, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, sản lượng sản phẩm liên kết tiêu thụ: 50 tấn vỏ quế tươi/năm). 10 kỹ thuật viên và 100 lượt người dân được đào tạo, tập huấn.	
2.	Xây dựng mô hình sản xuất và liên kết tiêu thụ lúa thương phẩm giống lúa	Viện nghiên cứu và phát triển cây trồng	* Định hướng mục tiêu: Hoàn thiện được Bản hướng dẫn kỹ thuật canh tác giống lúa thuần ĐH12 phù hợp với điều kiện tỉnh Phú Thọ và xây dựng phát triển thành công 30 mô hình sản xuất giống lúa ĐH12 (tổng diện tích là 300ha, năng suất mô hình ở vụ Xuân đạt từ 6,5-7,0 tấn/ha; vụ Mùa đạt từ 6,2-6,8 tấn/ha), mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm (sản lượng thóc thu mua đạt 1.000-1.500 tấn,	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
	thuần ĐH12 chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Phú Thọ		<p>tương ứng 800-1.000 tấn gạo chất lượng cao) phục vụ cho thị trường lúa gạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế 5-10% so với sản xuất đại trà. Tập huấn kỹ thuật cho người dân nắm vững được kỹ thuật canh tác giống lúa ĐH12 phù hợp điều kiện tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Báo cáo kết quả lựa chọn vùng sản xuất giống lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; 20 Mô hình sản xuất giống lúa ĐH12 năm 2023 (tổng diện tích 100ha, quy mô 5ha/mô hình, năng suất đạt từ 65-70 tạ/ha - vụ Xuân và từ 62-68 tạ/ha - vụ Mùa); 10 Mô hình sản xuất giống lúa ĐH12 năm 2024 (tổng diện tích 200 ha, quy mô từ 10-30ha/mô hình, năng suất đạt từ 65-70 tạ/ha - vụ Xuân và từ 62-68 tạ/ha - vụ Mùa); Bản hướng dẫn kỹ thuật canh tác giống lúa thuần ĐH12 phù hợp với điều kiện canh tác tại tỉnh Phú Thọ. Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm (sản lượng thóc thu mua đạt 1.000-1.500 tấn, tương ứng 800 - 1.000 tấn gạo chất lượng cao phục vụ cho thị trường lúa gạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận). 1-2 Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước. 01 bộ hồ sơ, tài liệu tuyên truyền và quảng bá sản phẩm. 100 - 200 lượt người dân được tập huấn kỹ thuật.</p>	
3.	Ứng dụng tiến bộ khoa học xây dựng mô hình sản xuất tảo xoắn <i>Spirulina</i> tại tỉnh Phú Thọ	Công ty cổ phần Giống vật tư nông nghiệp công nghệ cao Việt Nam	<p>* Định hướng mục tiêu: Tiếp nhận chuyển giao thành công 02 quy trình công nghệ và đào tạo được 3 kỹ thuật viên cơ sở nắm vững quy trình công nghệ nuôi trồng, thu hoạch, sơ chế tảo xoắn. Xây dựng thành công mô hình sản xuất tảo xoắn trong nhà màng (diện tích 1.000m², sản lượng đạt 1000 kg) làm cơ sở nhân rộng hình thành vùng nguyên liệu sạch quy mô lớn đáp ứng nhu cầu chế biến các sản phẩm từ tảo xoắn cho ngành dược.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: 01 bộ hồ sơ kết quả phân tích kết quả đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn nước phù hợp để triển khai nuôi trồng tảo xoắn. 02 quy trình: Quy trình công nghệ nuôi trồng tảo xoắn và quy trình thu hoạch sơ chế tảo xoắn (quy trình được chuyển giao). 03 kỹ thuật viên cơ sở được đào tạo. 01 Mô hình sản xuất tảo xoắn trong nhà màng (diện tích 1.000m², sản lượng đạt 1000 kg). 01 bộ hồ sơ, sản phẩm tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm.</p>	
4.	Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm dinh dưỡng thay thế sản phẩm nhập ngoại phục vụ điều trị người bệnh nặng tại	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	<p>* Định hướng mục tiêu: Hoàn thiện được công thức súp cao năng lượng và quy trình sản xuất súp cao năng lượng qui mô công nghiệp; xây dựng thành công mô hình sản xuất súp cao năng lượng quy mô công nghiệp (công suất 100 lít/ngày, tương đương 400 chai súp/ngày, sản phẩm đạt chỉ tiêu chất lượng dinh dưỡng, chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định); Sản xuất 3.000 - 5.000 lít súp cao năng lượng (tương đương 12.000 - 20.000 chai súp) thay thế sản phẩm nhập ngoại phục vụ điều trị người bệnh nặng tại một số cơ sở y tế góp phần nâng cao chất lượng điều trị, tiết kiệm chi phí cho</p>	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
	tỉnh Phú Thọ		<p>người bệnh. Xây dựng được bản hướng dẫn sử dụng, bảo quản sản phẩm phù hợp điều kiện thực tiễn của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Công thức súp cao năng lượng và quy trình sản xuất súp cao năng lượng qui mô công nghiệp; 01 mô hình sản xuất thử nghiệm sản phẩm súp cao năng lượng quy mô công nghiệp (công suất 100 lít/ngày, tương đương 400 chai súp/ngày); 3.000 - 5.000 lít súp cao năng lượng (tương đương 12.000 - 20.000 chai súp, độ lỏng đáp ứng nuôi ăn qua sonde, không gây tắc sonde, có đậm độ năng lượng 1,2 kcal/1ml; Hàm lượng Pr đạt 14-16%, Lipid đạt 30-35%, Glucid đạt 45 – 55%; Tổng số VSV hiếu khí < 1000 CFU/g, Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc < 100 CFU/g); Bản Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm. 01 bộ hồ sơ, tài liệu, kết quả hoạt động thử nghiệm sử dụng và thương mại hóa, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm. 100 - 200 lượt cán bộ y tế và người dân được tập huấn. Báo cáo tổng kết và các báo cáo chuyên đề.</p>	
5.	Ứng dụng công nghệ chiết xuất và sấy phun sương sản xuất viên nang Giải độc gan từ dược liệu tại tỉnh Phú Thọ	Viện nghiên cứu ứng dụng và phát triển - Trường Đại học Hùng Vương	<p>* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng công nghệ chiết xuất và sấy phun sương sản xuất thành công sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe viên nang Giải độc gan từ dược liệu góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân và phát huy giá trị, lợi thế nguồn dược liệu gây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Sản xuất thử 90.000 viên nang giải độc gan đạt tiêu chuẩn được sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: 01 quy trình công nghệ sản xuất viên nang giải độc gan. 01 bộ hồ sơ kết quả kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm viên nang Giải độc gan (gồm các chỉ tiêu về: định tính dược liệu, vi sinh vật, dư lượng kim loại nặng). 01 bộ hồ sơ công bố sản phẩm được Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế chấp nhận. 90.000 viên nang giải độc gan được sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO (quy cách 1000 hộp x 90 viên/hộp, đạt yêu cầu về chỉ tiêu định tính dược liệu, chỉ tiêu vi sinh vật, chỉ tiêu dư lượng kim loại nặng theo hồ sơ công bố).</p>	
6.	Ứng dụng công nghệ siêu hấp thụ CDI xử lý nước sinh hoạt cho một số trường học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Viện Tài nguyên và Môi trường – Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội	<p>* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng công nghệ siêu hấp thụ CDI xử lý nước cấp sinh hoạt, nước uống trực tiếp cho một số trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh và đội ngũ giáo viên; đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt, nước uống trực tiếp ứng dụng công nghệ siêu hấp thụ CDI tại vùng nông thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: 03 báo cáo chuyên đề: Kết quả đánh giá thực trạng chất lượng nước cấp tại</p>	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
			<p>một số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa tỉnh Phú Thọ; Báo cáo đánh giá kết quả và hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt, nước uống trực tiếp bằng công nghệ CDI tại 04 trường học; Báo cáo đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ siêu hấp thụ CDI trong xử lý nước cấp sinh hoạt, nước uống trực tiếp tại vùng nông thôn tỉnh Phú Thọ. 04 Mô hình hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt, nước uống trực tiếp bằng công nghệ siêu hấp thụ CDI (công suất tối thiểu 4 m³/ngày đêm, chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 02:2009/BYT) tại 04 trường học (02 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở). 01 bộ hồ sơ, kết quả khảo sát và 01 bộ hồ sơ tuyên truyền, giới thiệu hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt, nước uống trực tiếp ứng dụng công nghệ siêu hấp thụ CDI.</p>	
B	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KH&CN VÀO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG (03 dự án)			
1.	<p>Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình thâm canh và chế biến sản phẩm chè xanh chất lượng cao từ giống chè LCT1 tại tỉnh Phú Thọ</p>	<p>Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè – Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc</p>	<p>* Định hướng mục tiêu: Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật thâm canh, quy trình chế biến chè xanh chất lượng cao từ giống chè LCT1 phù hợp với điều kiện tại tỉnh Phú Thọ và xây dựng thành công mô hình thâm canh giống chè LCT1 (quy mô 5 ha), mô hình chế biến sản phẩm chè xanh chất lượng cao từ giống LCT1 nhằm đa dạng hóa sản phẩm chè, nâng cao thu nhập cho người trồng chè, góp phần phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Phú Thọ. Đào tạo 05 kỹ thuật viên và tập huấn cho 100 lượt người nắm vững được kỹ thuật thâm canh và chế biến các sản phẩm chè xanh chất lượng cao từ giống LCT1.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Quy trình thâm canh cho giống chè LCT1 phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh Phú Thọ (kỹ thuật, phân bón, kỹ thuật đốn, kỹ thuật hái...). Quy trình chế biến chè xanh chất lượng cao từ giống chè LCT1 (chè xanh, chè xanh viên). 02 Mô hình thâm canh giống chè LCT1 tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển Chè (quy mô 4ha chè tuổi 5 đạt năng suất >8 tấn, tuổi 20 đạt > 20 tấn/ha) và xã Long Cốc - Tân Sơn – Phú Thọ (quy mô 1ha, năng suất chè tuổi 8 đạt > 15 tấn/ha). 01 Mô hình chế biến sản phẩm chè xanh chất lượng cao từ giống chè LCT1 (công suất 1000 - 1500kg búp tươi/ngày đối với chè xanh và chè xanh viên và 50 -100 kg búp tươi/ngày đối với chè Matcha). 3000kg chè xanh chất lượng cao (chè xanh 1500kg, chè xanh viên 1000kg, chè xanh matcha 500kg). 05 kỹ thuật viên và 100 lượt người được đào tạo, tập huấn.</p>	
2.	<p>Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá tầm Xi-bê-ri (<i>Acipenser baeri</i>)</p>	<p>Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao</p>	<p>* Định hướng mục tiêu: Tiếp nhận chuyển giao và làm chủ các quy trình công nghệ xây dựng thành công 02 mô hình nuôi thương phẩm thương phẩm cá tầm Xiberi liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất góp phần phát triển đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, mang lại thu nhập cao cho người nuôi</p>	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
	liên kết theo chuỗi giá trị tại tỉnh Phú Thọ		trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (gồm: mô hình nuôi trong bể bạt, quy mô 200m ³ , 8 bể, năng suất nuôi đạt 8kg/m ³ , sản lượng đạt 1,6 tấn, sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm và mô hình nuôi trong lồng trên sông quy mô 200m ³ , 2 lồng, năng suất nuôi đạt 10kg/m ³ , sản lượng đạt 2 tấn, sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm). Đào tạo 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 100 lượt người dân trong vùng dự án nắm vững quy trình nuôi thương phẩm cá tầm Xiberi để thực hành sản xuất. Xây dựng thương hiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi. * Dự kiến sản phẩm: 02 hướng dẫn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá tầm Xiberi áp dụng trên bể lót bạt và trong lồng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. 01 Mô hình nuôi thương phẩm cá tầm Xiberi trong bể bạt theo chuỗi giá trị (quy mô 200m ³ , 8 bể, năng suất nuôi đạt 8kg/m ³ , sản lượng đạt 1,6 tấn, sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm) và 01 mô hình nuôi thương phẩm cá tầm Xiberi trong lồng trên sông theo chuỗi giá trị (quy mô 200m ³ , 2 lồng, năng suất nuôi đạt 10kg/m ³ , sản lượng đạt 2 tấn). Báo cáo kết quả xây dựng thương hiệu và tổ chức tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi. 10 kỹ thuật viên và 100 lượt người dân được đào tạo, tập huấn.	
3.	Ứng dụng tiến bộ khoa học trong kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2 lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Chi cục chuẩn đo lường chất lượng Phú Thọ	* Định hướng mục tiêu: Tiếp nhận chuyển giao thành công và lắp đặt 02 bộ thiết bị ứng dụng công nghệ giả lập môi trường phục vụ công tác kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị nhiệt ẩm kế và huyết áp kế điện tử tại các cơ sở y tế và hiệu thuốc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Đào tạo cán bộ của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về kiểm định/hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế, huyết áp kế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. * Dự kiến sản phẩm: Báo cáo kết quả đánh giá thực trạng sử dụng, tình hình kiểm định, hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế và huyết áp kế tại các Bệnh viện, cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; 02 Bộ thiết bị ứng dụng công nghệ giả lập môi trường trong kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị nhiệt ẩm kế và huyết áp kế điện tử (được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đánh giá đạt yêu cầu làm thiết bị chuẩn để kiểm định/hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế và huyết áp kế điện tử); 03 Cán bộ được đào tạo; Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh.	
C	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ (05 dự án)			
1.	Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu	UBND huyện Yên Lập	* Định hướng mục tiêu: Tạo lập bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Trung Sơn” cho sản phẩm Măng Gây xã Trung Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý, bộ nhận	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
	<p>chứng nhận "Trung Sơn" cho sản phẩm Măng Gây, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.</p>		<p>diện thương hiệu, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, phát huy giá trị thương hiệu "Trung Sơn" cho sản phẩm Măng Gây xã Trung Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Nhãn hiệu chứng nhận "Trung Sơn" được đăng ký bảo hộ; Hệ thống tổ chức và công cụ quản lý, phương tiện nhận diện thương hiệu, tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm được thiết lập và thực thi. Công tác quản lý, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu chứng nhận được xây dựng và vận hành trên thực tế. Sản phẩm măng gây mang nhãn hiệu chứng nhận được quảng bá rộng rãi trên thị trường.</p> <p>* Dự kiến chủ sở hữu nhãn hiệu: UBND huyện Yên Lập.</p>	
2.	<p>Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Hiền Quan" cho sản phẩm tằm gửi cây gạo của xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ</p>	<p>Trạm khuyến nông huyện Tam Nông</p>	<p>* Định hướng mục tiêu: Tạo lập tài sản trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận "Hiền Quan" cho sản phẩm tằm gửi cây gạo của xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Thiết lập và vận hành hệ thống quản lý, hệ thống nhận diện thương hiệu, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm trong thực tế góp phần thúc đẩy xúc tiến thương mại, phát huy giá trị thương hiệu "Hiền Quan" cho sản phẩm tằm gửi cây gạo của xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Quy mô dự án: 500 cây.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Nhãn hiệu chứng nhận "Hiền Quan" cho sản phẩm tằm gửi cây gạo xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ được đăng ký bảo hộ. Hệ thống tổ chức và công cụ quản lý, phương tiện nhận diện thương hiệu, tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm được thiết lập và thực thi. Công tác quản lý, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu chứng nhận được xây dựng và vận hành trên thực tế. Sản phẩm tằm gửi cây gạo mang nhãn hiệu chứng nhận được quảng bá rộng rãi trên thị trường.</p> <p>* Dự kiến chủ sở hữu nhãn hiệu: UBND huyện Tam Nông</p>	
3.	<p>Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Văn Khúc" cho sản phẩm tôm càng xanh xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ</p>	<p>UBND huyện Cẩm Khê</p>	<p>* Định hướng mục tiêu: Tạo lập tài sản trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể "Văn Khúc" cho sản phẩm tôm càng xanh xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; thiết lập và vận hành hệ thống quản lý, hệ thống, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm vào thực tế nhằm xúc tiến thương mại, phát huy giá trị thương hiệu cho sản phẩm tôm càng xanh xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Quy mô dự án: 20 ha;</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Nhãn hiệu tập thể "Văn Khúc" của xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú</p>	

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
			<p>Thọ được đăng ký bảo hộ. Hệ thống tổ chức và công cụ quản lý, phương tiện nhận diện thương hiệu, tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm được thiết lập và thực thi. Công tác quản lý, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu tập thể được xây dựng và vận hành trên thực tế. Sản phẩm tôm càng xanh mang nhãn hiệu tập thể được quảng bá rộng rãi trên thị trường.</p> <p>* Dự kiến chủ sở hữu nhãn hiệu: Chi Hội Thủy sản Văn khúc</p>	
4.	Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Đổ Xuyên” tại xã Đổ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Trạm khuyến nông huyện Thanh Ba	<p>* Định hướng mục tiêu: Đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể “Đổ Xuyên” cho các sản phẩm rau an toàn của xã Đổ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý, hệ thống, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm vào thực tế nhằm phát huy giá trị thương hiệu cho sản phẩm “Rau an toàn Đổ Xuyên”.</p> <p>* Qui mô dự án: 20 ha;</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Nhãn hiệu tập thể “Đổ Xuyên” cho các sản phẩm rau an toàn xã Đổ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ được đăng ký bảo hộ; Hệ thống tổ chức và công cụ quản lý, phương tiện quảng bá phát triển nhãn hiệu được thiết lập và thực thi; Công tác quản lý, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu tập thể được xây dựng và vận hành trên thực tế; Sản phẩm rau an toàn mang nhãn hiệu tập thể được quảng bá rộng rãi trên thị trường.</p> <p>* Dự kiến chủ sở hữu nhãn hiệu: HTX sản xuất rau an toàn Đổ Xuyên</p>	
5.	Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Mường Kịt” cho sản phẩm cam, quýt xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Hợp tác xã cây ăn quả và dược liệu Mường Kịt, Tân Sơn	<p>* Định hướng mục tiêu: Tạo lập tài sản trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể “Mường Kịt” cho sản phẩm cam, quýt xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; Thiết lập và vận hành hệ thống quản lý, hệ thống, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm xúc tiến thương mại, phát huy giá trị thương hiệu cho sản phẩm cam, quýt xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>* Quy mô dự án: 10 ha</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Nhãn hiệu tập thể “Mường Kịt” cho sản phẩm cam, quýt xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ được đăng ký bảo hộ. Hệ thống tổ chức và công cụ quản lý, phương tiện quảng bá phát triển nhãn hiệu được thiết lập và thực thi; Công tác quản lý, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu tập thể được xây dựng và vận hành trên thực tế; Sản phẩm cam quýt mang nhãn hiệu tập thể được quảng bá rộng rãi trên thị trường.</p> <p>* Dự kiến chủ sở hữu nhãn hiệu: Hợp tác xã cây ăn quả và dược liệu Mường Kịt, Tân Sơn</p>	
D	CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HOÁ (02 dự án)			

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Định hướng mục tiêu/Dự kiến sản phẩm cần đạt	Ghi chú
1.	Thúc đẩy áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng tại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Liên minh hợp tác xã tỉnh	<p>* Định hướng mục tiêu: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá trên cơ sở áp dụng các giải pháp quản lý, ứng dụng KH&CN nhằm tạo sự chuyển biến, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm của các HTX, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả và bền vững.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: 02 Báo cáo chuyên đề: Kết quả khảo sát, đánh giá thực tế các HTX tham gia dự án; Đánh giá kết quả xây dựng các mô hình và đề xuất giải pháp duy trì, phát triển, nhân rộng mô hình (đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ tiêu: giảm lãng phí, tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa (SPHH), hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả năng cạnh tranh...); 15 đơn vị được tư vấn, áp dụng (Hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá); 20 loại sản phẩm hàng hoá thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật; Hệ thống các tài liệu hướng dẫn áp dụng các HTQL và công cụ cải tiến năng suất; 500 lượt người được tập huấn, tuyên truyền về NSCL; 02 chuyên đề tuyên truyền về NSCL được xây dựng và phát sóng trên Đài PTTH tỉnh.</p>	
2.	Ứng dụng công nghệ thông minh xây dựng mô hình chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học tại huyện Yên Lập	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Yên Lập	<p>* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng công nghệ thông tin để sản xuất nông nghiệp thông minh nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí sản xuất, cảnh báo các yếu tố môi trường để đưa phương án phòng tránh kịp thời; tăng cường ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất nhằm đưa ra thị trường những sản phẩm tốt và an toàn cho người dùng.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: Các quy trình vận hành hệ thống thiết bị, phần mềm thông minh và quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà sinh sản. Mô hình sản xuất thông minh tại trang trại chăn nuôi gà sinh sản, quy mô 3.500 gà: lắp đặt hệ thống phần cứng, phần mềm điều khiển chăn nuôi gà tự động, vận hành mô hình. 100 lượt hộ thành viên HTX và người dân được tập huấn chuyển giao kỹ thuật. Bộ tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm trứng gà (được công bố). Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, chứng nhận Vietgap trong chăn nuôi. Kết quả thông tin tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng kết quả của mô hình...</p>	